

**BỘ TÀI CHÍNH
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN TP.HCM**

Số: 02/2012/QĐ-SGDHCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TẠI SỞ
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 84/2010/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 14;

Căn cứ Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 01/06/2011 Hướng dẫn về giao dịch chứng khoán;

Căn cứ công văn số 520/UBCK-PTTT ngày 22/02/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành Quy chế Hướng dẫn giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Thành viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 03 năm 2012 và thay thế Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM ngày 09/10/2007 về việc ban hành Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 40/QĐ-SGDHCM ngày 24/11/2008 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Giao dịch Chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giám đốc các phòng, ban thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN (để báo cáo);
- HDQT (để báo cáo);
- Các CTCK Thành viên;
- Các Công ty niêm yết;
- Các Thành viên Lưu ký;
- Ngân hàng Chi định Thanh toán;
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;
- Lưu HCTH, TV

Phan Thị Tường Tâm

QUY CHẾ

HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2012/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 02 năm 2012 của
Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM)*

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn về hoạt động giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là "SGDCK TP.HCM").

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. **Thành viên giao dịch tại SGDCK TP.HCM** là công ty chứng khoán được SGDCK TP.HCM chấp thuận trở thành Thành viên giao dịch (sau đây viết tắt là "Thành viên").

2.2. **Thiết bị đầu cuối** là các máy tính nhập lệnh thuộc hệ thống nhập lệnh tại Sàn giao dịch SGDCK TP.HCM.

2.3. **Hệ thống nhập lệnh tài sản** là hệ thống máy tính tại Sàn giao dịch SGDCK TP.HCM dùng để nhập lệnh của nhà đầu tư vào hệ thống giao dịch.

2.4. **Giao dịch trực tuyến** là việc Thành viên sử dụng hệ thống giao dịch của mình kết nối trực tiếp với hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM để thực hiện giao dịch chứng khoán theo các quy định hiện hành về giao dịch chứng khoán.

2.5. **Đại diện giao dịch** của Thành viên SGDCK TP.HCM là thành viên do Thành viên cử và được SGDCK TP.HCM cấp thẻ đại diện giao dịch để thực hiện việc chấp nhận các lệnh Thành viên vào hệ thống nhập lệnh tài sản.

2.6. **Khớp lệnh định kỳ** là phương thức giao dịch được hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM thực hiện cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán tại một thời điểm xác định.

2.7. **Khớp lệnh liên tục** là phương thức giao dịch được hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch.

2.8. **Phương thức thỏa thuận** là phương thức giao dịch trong đó các nhà đầu tư thỏa thuận về các điều kiện giao dịch và được Thành viên nhập thông tin vào hệ thống giao dịch để ghi nhận kết quả giao dịch.

2.9. **Giá tham chiếu** là mức giá làm cơ sở để SGDCK TP.HCM tính giới hạn dao động giá chứng khoán trong ngày giao dịch.

2.10. **Giá thực hiện** là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh hoặc giá hình thành từ giao dịch thỏa thuận.

2.11. **Giá mở cửa** là giá thực hiện tại lần khớp lệnh đầu tiên trong ngày giao dịch.

2.12. **Giá đóng cửa** là giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

2.13. **Ngày giao dịch không hưởng quyền** là ngày người mua sẽ không được hưởng các quyền do tổ chức niêm yết phát hành dành cho cổ đông hiện hữu.

2.14. **Giao dịch chứng khoán lô chẵn** (gọi tắt là "giao dịch lô chẵn") là giao dịch với khối lượng của lệnh là bội số của khối lượng chứng khoán tối thiểu (hay "đơn vị giao dịch") nhưng không vượt quá khối lượng tối đa được quy định đối với một lệnh lô chẵn.

2.15. **Giao dịch chứng khoán lô lớn** (gọi tắt là "giao dịch lô lớn") là giao dịch với khối lượng chứng khoán bằng hoặc lớn hơn một khối lượng nhất định được quy định.

Chương 2.

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ GIAO DỊCH

Điều 3. Quy tắc chung

3.1. SGDCK TP.HCM tổ chức giao dịch đối với các loại chứng khoán sau đây:

3.1.1. Cổ phiếu;

3.1.2. Chứng chỉ quỹ;

3.1.3. Trái phiếu;

3.1.4. Các loại chứng khoán khác sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN).

3.2. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là TTLKCK) cấp mã chứng khoán cho các chứng khoán niêm yết tại SGDCK TP.HCM trên cơ sở thống nhất với bảng phân bổ mã ký tự đầu tiên của SGDCK TP.HCM.

3.3. Chứng khoán niêm yết tại SGDCK TP.HCM được giao dịch thông qua hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM, ngoại trừ các trường hợp sau:

3.3.1. Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 2 điều 3 Thông tư 74/2011/TT-BTC ban hành ngày 01/06/2011;

3.3.2. Các trường hợp chào mua công khai thực hiện chuyển nhượng theo hướng dẫn của UBCKNN và các quy định hiện hành;

3.3.3. Các trường hợp sửa lỗi sau giao dịch thực hiện qua hệ thống chuyển nhượng của TTLKCK theo các quy định hiện hành;

3.4. Căn cứ đề nghị của Thành viên, SGDCK TP.HCM sẽ xem xét và chấp thuận cho Thành viên thực hiện giao dịch trực tuyến hoặc qua hệ thống nhập lệnh tại sàn.

3.4.1. Trường hợp Thành viên giao dịch trực tuyến, hoạt động giao dịch của Thành viên phải tuân thủ Quy chế này, Quy định giao dịch trực tuyến do SGDCK TP.HCM ban hành và các quyết định liên quan khác.

3.4.2. Trường hợp Thành viên sử dụng hệ thống nhập lệnh tại sàn, SGDCK TP.HCM sẽ xem xét và cấp thiết bị đầu cuối cho Thành viên để nhập lệnh vào Hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM. SGDCK TP.HCM có thể thu hồi hoặc yêu cầu ngừng sử dụng đối với thiết bị đầu cuối đã cấp cho thành viên.

Chỉ đại diện giao dịch của Thành viên mới được truy cập và nhập lệnh vào Hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM thông qua hệ thống nhập lệnh tại sàn. Hoạt động của đại diện giao dịch phải tuân thủ quy chế này và các quy định liên quan của SGDCK TP.HCM về đại diện giao dịch.

Thành viên chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của đại diện giao dịch của mình.

Điều 4. Thời gian giao dịch

4.1. SGDCK TP.HCM tổ chức giao dịch chứng khoán từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động.

4.2. Thời gian giao dịch cụ thể do SGDCK TP.HCM quyết định sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 5. Tạm ngừng giao dịch chứng khoán

5.1. SGDCK TP.HCM tạm ngừng hoạt động giao dịch chứng khoán trong trường hợp:

5.1.1. Hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM gặp sự cố;

5.1.2. Khi có một phần tư (1/4) số Thành viên trở lên gặp sự cố, không thể thực hiện giao dịch trực tuyến;

5.1.3. Khi xảy ra những sự kiện bất khả kháng làm ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch bình thường của thị trường như thiên tai, hỏa hoạn v.v...;

5.1.4. UBCKNN yêu cầu ngừng giao dịch để ổn định thị trường;

5.1.5. Các trường hợp SGDCK TP.HCM thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích nhà đầu tư sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

5.2. SGDCK TP.HCM có thể căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định thay đổi thời gian giao dịch.

5.3. SGDCK TP.HCM thực hiện báo cáo UBCKNN về việc tạm ngừng và thay đổi thời gian giao dịch nêu trên trước khi chính thức công bố.

Điều 6. Tổ chức giao dịch

SGDCK TP.HCM tổ chức giao dịch chứng khoán thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức giao dịch khớp lệnh và phương thức giao dịch thỏa thuận, cụ thể như sau:

6.1. Nguyên tắc xác định giá:

6.1.1. Trong phương thức khớp lệnh định kỳ:

i. Là mức giá thực hiện đạt được khối lượng giao dịch lớn nhất;

ii. Nếu có nhiều mức giá thỏa mãn tiết i nêu trên thì mức giá trùng hoặc gần với giá thực hiện của lần khớp lệnh gần nhất sẽ được chọn.

6.1.2. Trong phương thức khớp lệnh liên tục: Là mức giá của các lệnh giới hạn đối ứng đang nằm chờ trên sổ lệnh.

6.2. Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ được giao dịch theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.

6.3. Trái phiếu được giao dịch theo phương thức thỏa thuận.

6.4. SGDCK TP.HCM quyết định thay đổi phương thức giao dịch đối với từng loại chứng khoán sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 7. Nguyên tắc khớp lệnh giao dịch

Hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM thực hiện so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán theo thứ tự nguyên tắc *ưu tiên về giá và thời gian* như sau:

7.1. Ưu tiên về giá:

7.1.1. Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước;

7.1.2. Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

7.2. Ưu tiên về thời gian: Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

Điều 8. Đơn vị giao dịch và đơn vị yết giá

8.1. Đơn vị giao dịch được quy định như sau:

Giao dịch lô chẵn phải tuân thủ quy định về đơn vị giao dịch.

Không quy định đơn vị giao dịch đối với giao dịch lô lớn.

SGDCK TP.HCM quy định đơn vị giao dịch lô chẵn, khối lượng giao dịch lô lớn sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

8.2. Đơn vị yết giá được quy định như sau:

8.2.1. Giao dịch theo phương thức khớp lệnh:

Mức giá	Đơn vị yết giá
≤ 49.900	100 đồng
50.000 - 99.500	500 đồng
≥ 100.000	1.000 đồng

8.2.2. Không quy định đơn vị yết giá đối với phương thức giao dịch thỏa thuận.

Điều 9. Biên độ dao động giá

9.1. SGDCK TP.HCM quy định biên độ dao động đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

9.2. Không áp dụng biên độ dao động giá đối với giao dịch trái phiếu.

9.3. Giới hạn dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch được xác định như sau:

Giá tối đa (Giá trần) = Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá trần)

Giá tối thiểu (Giá sàn) = Giá tham chiếu - (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá sàn).

9.4. Trong trường hợp giá tối đa hoặc giá tối thiểu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ sau khi điều chỉnh theo biên độ dao động theo giá theo quy định tại điểm 9.3 trên đây bằng với giá tham chiếu, giá tối đa và giá tối thiểu sẽ được thực hiện điều chỉnh như sau:

Giá tối đa (Giá trần) điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá

Giá tối thiểu (Giá sàn) điều chỉnh = Giá tham chiếu - một đơn vị yết giá.

9.5. Trong trường hợp giá tối thiểu (giá sàn) điều chỉnh quy định tại điểm 9.4 trên đây bằng không (0), giá tối đa và giá tối thiểu được điều chỉnh như sau:

Giá tối đa (Giá trần) điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá

Giá tối thiểu (Giá sàn) điều chỉnh = Giá tham chiếu.

9.6. Biên độ dao động giá quy định tại điểm 9.1 điều này không áp dụng đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong một số trường hợp sau:

9.6.1. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mới niêm yết;

9.6.2. Ngày đầu tiên cổ phiếu, chứng chỉ quỹ được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên 90 ngày;

9.6.3. Các trường hợp khác theo quyết định của SGDCK TP.HCM.

9.7. Trong trường hợp cần thiết để đảm bảo bình ổn thị trường, SGDCK TP.HCM có thể tạm thời điều chỉnh biên độ dao động giá tại thời điểm 9.1 sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 10. Giá tham chiếu

10.1. Giá tham chiếu của cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đang giao dịch là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

10.2. Trường hợp cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mới được niêm yết, trong ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu được xác định theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

10.3. Trường hợp cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bị tạm ngừng giao dịch, khi được giao dịch trở lại, giá tham chiếu do SGDCK TP.HCM quyết định sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN. Các quy định khác về giao dịch tương tự quy định tại Khoản 10.2 Điều này.

10.4. Trường hợp giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ không được hưởng cổ tức hoặc các quyết định kèm theo, giá tham chiếu tại ngày giao dịch không được hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị các quyền kèm theo.

Trong trường hợp giá phát hành quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ lớn hơn giá đóng cửa của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trước ngày không hưởng quyền, SGDCK TP.HCM sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch không hưởng quyền.

10.5. Đối với các trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi (kể cả phát hành cho cổ đông hiện hữu), phát hành chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán cho nhà đầu tư không phải là cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty và các trường hợp phát hành không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông hiện hữu, SGDCK TP.HCM sẽ không thực hiện điều chỉnh giá tham chiếu của chứng khoán vào ngày giao dịch không hưởng quyền (nếu có xác định ngày giao dịch không hưởng quyền).

10.6. Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.

10.7. Trong một số trường hợp cần thiết, SGDCK TP.HCM có thể áp dụng phương thức xác định giá tham chiếu khác sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 11. Xác định giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và trái phiếu mới niêm yết

11.1. Việc xác định giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên được quy định như sau:

11.1.1. Tổ chức niêm yết và tổ chức tư vấn niêm yết (nếu có) phải đưa ra mức giá dự kiến để làm giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên.

11.1.2. Biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên tối thiểu +/- 20% so với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên.

11.1.3. Giá đóng cửa trong ngày giao dịch đầu tiên sẽ là giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp. Biên độ dao động giá quy định tại điều 9 Quy chế này được áp dụng từ ngày giao dịch kế tiếp.

11.1.4. Nếu trong ba (3) ngày giao dịch đầu tiên, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mới niêm yết vẫn chưa có giá đóng cửa, tổ chức niêm yết sẽ phải xác định lại giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên.

11.1.5. SGDCK TP.HCM quyết định thay đổi biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ tại điểm 11.1.2 sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

11.2. Không quy định mức giá tham chiếu dự kiến, biên độ dao động giá đối với trái phiếu mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên.

11.3. Không cho phép giao dịch thỏa thuận cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch đầu tiên.

Điều 12. Xác định giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên 90 ngày

12.1. Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên chín mươi (90) ngày, biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên sẽ được SGDCK TP.HCM xác định sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

12.2. Giá đóng cửa trong ngày giao dịch đầu tiên sau khi được giao dịch trở lại sẽ là giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp. Biên độ dao động giá quy định tại điều 9 Quy chế này được áp dụng từ ngày giao dịch kế tiếp.

12.3. Nếu trong ba (03) ngày đầu tiên sau khi giao dịch trở lại, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ được giao dịch trở lại vẫn chưa có giá đóng cửa, SGDCK TP.HCM sẽ xem xét điều chỉnh biên độ giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 13. Lệnh giao dịch

13.1. Lệnh giới hạn (viết tắt là LO):

13.1.1. Là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn;

13.1.2. Lệnh giới hạn có hiệu lực kể từ khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến lúc kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

13.2. Lệnh thị trường (viết tắt là MP):

13.2.1. Là lệnh mua chứng khoán tại mức giá bán thấp hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường.

13.2.2. Nếu sau khi so khớp lệnh theo nguyên tắc ở điểm 13.2.1 mà khối lượng đặt lệnh của lệnh thị trường vẫn chưa được thực hiện hết thì lệnh thị trường sẽ được xem là lệnh mua tại mức giá bán cao hơn hoặc lệnh bán tại mức giá mua thấp hơn tiếp theo hiện có trên thị trường và tiếp tục so khớp.

13.2.3. Nếu khối lượng đặt lệnh của lệnh thị trường vẫn còn sau khi giao dịch theo nguyên tắc tại điểm 13.2.2 và không thể tiếp tục khớp được nữa thì lệnh thị trường sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với mức giá thực hiện cuối cùng trước đó hoặc lệnh giới hạn tại mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện cuối cùng trước đó.

Trường hợp giá thực hiện cuối cùng là giá trần đối với lệnh thị trường mua hoặc giá sàn đối với lệnh thị trường bán thì lệnh thị trường sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại giá trần hoặc lệnh giới hạn bán tại giá sàn.

13.2.4. Lệnh thị trường được nhập vào hệ thống giao dịch trong thời gian khớp lệnh liên tục.

13.2.5. Lệnh thị trường sẽ bị hủy bỏ khi không có lệnh giới hạn đối ứng tại thời điểm nhập lệnh vào hệ thống giao dịch.

13.3. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa (viết tắt là ATO):

13.3.1. Là lệnh đặt mua hoặc đặt bán chứng khoán tại mức giá mở cửa.

13.3.2. Khối lượng của lệnh ATO bên mua (hoặc bên bán) được cộng vào khối lượng của bên mua (hoặc bên bán) tại mỗi mức giá đặt lệnh để xác định khối lượng giao dịch tại mỗi mức giá trong khi so khớp lệnh định kỳ.

13.3.3. Lệnh ATO được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi so khớp lệnh.

13.3.4. Phiên khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa sẽ không xác định được giá khớp lệnh nếu chỉ có lệnh ATO trên sổ lệnh.

13.3.5. Lệnh ATO được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá mở cửa. Sau thời điểm xác định giá mở cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

13.4. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (viết tắt là ATC):

13.4.1. Là lệnh đặt mua hoặc đặt bán chứng khoán tại mức giá đóng cửa.

13.4.2. Khối lượng của lệnh ATC bên mua (hoặc bên bán) được cộng vào khối lượng của bên mua (hoặc bên bán) tại mỗi mức giá đặt lệnh để xác định khối lượng giao dịch tại mỗi mức giá trong khi so khớp lệnh định kỳ.

13.4.4. Phiên khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa sẽ không xác định được giá khớp lệnh nếu chỉ có lệnh ATC trên sổ lệnh.

13.4.5. Lệnh ATC được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá đóng cửa. Sau thời điểm xác định giá đóng cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

Điều 14. Nội dung của lệnh giao dịch

14.1. *Lệnh giới hạn* nhập vào hệ thống giao dịch bao gồm các nội dung sau:

14.1.1. Lệnh mua, lệnh bán;

14.1.2. Mã chứng khoán;

14.1.3. Số lượng;

14.1.4. Giá;

14.1.5. Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư;

14.1.6. Ký hiệu lệnh giao dịch theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

14.2. *Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa* của chứng khoán nhập vào hệ thống giao dịch có nội dung như lệnh giới hạn, nhưng không ghi mức giá mà ghi là ATO.

14.3. *Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa* của chứng khoán nhập vào hệ thống giao dịch có nội dung như lệnh giới hạn, nhưng không ghi mức giá mà ghi là ATC.

14.4. *Lệnh thị trường* nhập vào hệ thống giao dịch có nội dung như lệnh giới hạn nhưng không ghi mức giá mà ghi là MP.

Điều 15. Ký hiệu lệnh giao dịch

Các ký hiệu lệnh giao dịch đối với lệnh nhập vào hệ thống giao dịch bao gồm:

Ký hiệu lệnh	Loại khách hàng
P	- Thành viên (là công ty chứng khoán trong nước) tự doanh.
C	- Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại Thành viên.
F	- Nhà đầu tư nước ngoài lưu ký tại Thành viên, tổ chức lưu ký trong nước hoặc tổ chức lưu ký nước ngoài; - Tổ chức lưu ký nước ngoài tự doanh; - Thành viên (là công ty chứng khoán nước ngoài) tự doanh.
M	- Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại tổ chức lưu ký trong nước hoặc tại tổ chức lưu ký nước ngoài; - Tổ chức lưu ký trong nước tự doanh.

Điều 16. Sửa, hủy lệnh đối với giao dịch khớp lệnh

16.1. Nghiêm cấm sửa đổi số hiệu tài khoản của lệnh giao dịch trong suốt thời gian giao dịch, ngoại trừ việc sửa lệnh được quy định tại điểm 16.2 dưới đây.

16.2. Trong thời gian khớp lệnh định kỳ: Nghiêm cấm hủy lệnh được đặt trong cùng đợt khớp lệnh định kỳ. Chỉ được phép hủy các lệnh hoặc phần còn lại chưa thực hiện của các lệnh được đặt từ lần khớp lệnh định kỳ hoặc liên tục trước đó. Trường hợp thành viên sử dụng hệ thống nhập lệnh tại sàn, đại diện giao dịch chỉ được phép sửa lệnh giao dịch được đặt trong cùng đợt khớp lệnh định kỳ khi nhập sai lệnh, nhưng phải xuất trình bản sao lệnh gốc của khách hàng và được SGDCK TP.HCM chấp thuận. Việc sửa lệnh giao dịch chỉ có hiệu lực khi lệnh gốc chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh gốc chưa được thực hiện. Việc sửa lệnh phải tuân thủ quy trình sửa lệnh giao dịch do SGDCK TP.HCM ban hành.

Trong thời gian khớp lệnh liên tục: Khi khách hàng yêu cầu, Thành viên được phép hủy lệnh chưa thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.

16.3. Thành viên chịu trách nhiệm về việc sửa, hủy lệnh giao dịch của nhà đầu tư theo quy định tại điều này.

Điều 17. Quảng cáo giao dịch thỏa thuận

17.1. Trong thời gian giao dịch thỏa thuận, Thành viên được nhập lệnh quảng cáo mua bán chứng khoán theo phương thức giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch.

17.2. Nội dung quảng cáo giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch bao gồm:

17.2.1. Mã chứng khoán;

17.2.2. Giá quảng cáo;

17.2.3. Khối lượng;

17.2.4. Lệnh chào mua hoặc bán;

17.2.5. Số điện thoại liên hệ.

Điều 18. Thực hiện giao dịch thỏa thuận.

18.1. Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ lô lớn giao dịch theo phương thức thỏa thuận trong thời gian quy định.

18.2. Giao dịch thỏa thuận cổ phiếu, chứng chỉ quỹ phải tuân theo quy định về biên độ dao động giá trong ngày.

18.3. Giao dịch thỏa thuận do Thành viên bên mua và bên bán nhập vào hệ thống giao dịch phải tuân thủ quy trình giao dịch thỏa thuận do SGDCK TP.HCM ban hành.

Điều 19. Sửa, hủy giao dịch thỏa thuận.

19.1. Giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch không được phép hủy bỏ.

19.2. Trong trường hợp nhập sai giao dịch thỏa thuận, Thành viên được phép sửa giao dịch ban hành thỏa thuận theo quy trình sửa lệnh giao dịch SGDCK TP.HCM ban hành.

Điều 20. Quy định trong thời gian nghỉ giữa các phiên giao dịch (phiên sáng - phiên chiều)

Trong thời gian nghỉ giữa hai phiên sáng - chiều, Thành viên không được phép:

20.1. Nhập lệnh, sửa, hủy lệnh của giao dịch khớp lệnh;

20.2. Quảng cáo giao dịch thỏa thuận, hủy quảng cáo giao dịch thỏa thuận;

20.3. Thực hiện giao dịch thỏa thuận, hủy giao dịch thỏa thuận.

Điều 21. Xác lập và hủy bỏ giao dịch.

21.1. Giao dịch chứng khoán được xác lập khi hệ thống giao dịch thực hiện khớp lệnh mua và lệnh bán theo phương thức khớp lệnh hoặc ghi nhận giao dịch theo phương thức thỏa thuận, ngoại trừ có quy định khác do SGDCK TP.HCM ban hành.

Thành viên bên mua và bên bán có trách nhiệm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với giao dịch chứng khoán đã được xác lập.

21.2. Trong trường hợp giao dịch đã được thiết lập vi phạm quy định giao dịch hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các nhà đầu tư hoặc toàn bộ giao dịch trên thị trường, SGDCK TP.HCM có thể công nhận hoặc hủy bỏ giao dịch sau khi báo cáo UBCKNN.

21.3. Trong trường hợp hệ thống giao dịch gặp sự cố, dẫn đến tạm ngừng giao dịch, SGDCK TP.HCM phải có trách nhiệm báo cáo UBCKNN theo quy định tại Điều 4 Khoản 3 Thông tư 74 và SGDCK TP.HCM căn cứ tình hình khắc phục sự cố để quyết định công nhận kết quả giao dịch.

Điều 22. Kiểm soát giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài

22.1. Hệ thống giao dịch kiểm soát và công bố khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua theo nguyên tắc:

22.1.1. Trong thời gian giao dịch khớp lệnh:

a) Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mua của nhà đầu tư nước ngoài được trừ vào khối lượng còn được phép mua ngay sau khi lệnh mua được thực hiện.

b) Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bán của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ còn được phép mua ngay sau khi kết thúc việc thanh toán giao dịch;

c) Lệnh mua hoặc một phần lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài chưa được thực hiện sẽ tự động bị hủy nếu khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ còn được phép mua đã hết và lệnh mua được nhập tiếp vào hệ thống giao dịch sẽ không được chấp nhận.

22.1.2. Trong thời gian giao dịch thỏa thuận:

a) Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được giảm xuống ngay sau khi giao dịch thỏa thuận được thực hiện nếu giao dịch đó là giữa một nhà đầu tư nước ngoài mua với một nhà đầu tư trong nước bán;

b) Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được tăng lên ngay sau khi kết thúc việc thanh toán giao dịch nếu giao dịch đó là giữa một nhà đầu tư nước ngoài bán với một nhà đầu tư trong nước mua;

c) Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không thay đổi nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa hai nhà đầu tư nước ngoài với nhau. Hệ thống cho phép giao dịch thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện kể cả trong trường hợp khối lượng giao dịch thỏa thuận lớn hơn khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài.

22.2. Hệ thống giao dịch hiển thị thông tin chào mua của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ theo nguyên tắc như sau:

22.2.1. Lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng mua của toàn thị trường tại từng mức giá, từ mức giá có thứ tự ưu tiên cao nhất đến mức giá có thứ tự ưu tiên thấp nhất, cho đến khi bằng khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài.

22.2.2. Các lệnh mua còn lại của nhà đầu tư nước ngoài không được hiển thị vẫn nằm chờ trên sổ lệnh và sẽ tự động bị hủy khi khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài đã hết.

22.2.3. Hệ thống giao dịch cập nhật thông tin chào mua của nhà đầu tư nước ngoài và điều chỉnh việc hiển thị mỗi khi lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được nhập vào hệ thống hoặc bị hủy bỏ.

22.3. Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến giao dịch chứng khoán.

22.4. TTLKCK tính toán và cung cấp cho SGDCK TP.HCM khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua trong mỗi ngày giao dịch theo các quy trình và thỏa thuận làm việc giữa hai cơ quan.

Điều 23. Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

23.1. Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và thực hiện giao dịch chứng khoán hoặc ủy quyền giao dịch chứng khoán phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

23.2. Việc chuyển nhượng chứng khoán niêm yết tại SGDCK TP.HCM phải thực hiện qua hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM. Các trường hợp chuyển nhượng thực hiện thông qua TTLKCK phải công bố thông tin trên SGDCK TP.HCM theo các quy định hiện hành.

23.3. Khi đặt bán chứng khoán hoặc chào bán giao dịch thỏa thuận, nhà đầu tư phải có đủ số lượng chứng khoán đặt bán trên tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại thành viên, ngoại trừ có quy định khác của Bộ Tài chính.

Khi đặt mua chứng khoán hoặc chào mua giao dịch thỏa thuận, nhà đầu tư phải thực hiện ký quỹ tiền giao dịch theo quy định của Bộ Tài chính và UBCKNN.

Điều 24. Giao dịch ký quỹ chứng khoán

Nhà đầu tư và công ty chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ chứng khoán phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Giao dịch cổ phiếu quỹ.

25.1. Tổ chức niêm yết giao dịch mua lại, bán cổ phiếu quỹ trên hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM phải thực hiện theo các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy định về giao dịch cổ phiếu do SGDCK TP.HCM ban hành và các quy định tại các điểm 25.2, 25.3, 25.4 dưới đây.

25.2. Trong mỗi ngày giao dịch, tổ chức niêm yết giao dịch cổ phiếu quỹ chỉ được phép đặt lệnh mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ với tổng khối lượng đặt lệnh (không bao gồm khối lượng đặt lệnh do tổ chức niêm yết hủy) tối thiểu 3% và tối đa bằng 5% khối lượng xin phép trong đơn đăng ký gửi SGDCK TP.HCM. Tổ chức niêm yết muốn giao dịch với khối lượng vượt quá 5% khối lượng xin phép trong đơn hoặc thực hiện giao dịch lô lớn theo phương thức giao dịch thỏa thuận phải được sự chấp thuận của SGDCK TP.HCM và SGDCK TP.HCM phải báo cáo UBCKNN ít nhất một (01) ngày trước ngày tổ chức niêm yết thực hiện giao dịch. Trong trường hợp khối lượng còn được phép mua (hoặc bán) nhỏ hơn khối lượng tối thiểu 3% khối lượng xin phép trong đơn đăng ký gửi SGDCK TP.HCM, tổ chức niêm yết được giao dịch nhỏ hơn khối lượng tối thiểu 3%.

25.3. Khi tổ chức niêm yết thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ theo phương thức khớp lệnh, giá đặt mua lại cổ phiếu của tổ chức niêm yết trong ngày giao dịch không lớn hơn giá tham chiếu cộng ba (03) đơn vị yết giá; giá đặt bán cổ phiếu quỹ trong ngày giao dịch không được nhỏ hơn giá tham chiếu trừ ba (03) đơn vị yết giá.

25.4. Khi tổ chức niêm yết thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ theo phương thức thỏa thuận, giá thực hiện không được lớn hơn giá tham chiếu trong ngày giao dịch cộng ba (03) đơn vị yết giá. Khi tổ chức niêm yết thực hiện bán cổ phiếu quỹ theo phương thức thỏa thuận, giá thực hiện không được thấp hơn giá tham chiếu trong ngày giao dịch trừ ba (03) đơn vị yết giá.

25.5. Tổ chức niêm yết muốn thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ không theo các quy định tại điểm 25.2, 25.3, 25.4 trên đây phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBCKNN ít nhất 3 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch.

Tổ chức niêm yết không được tự ý thay đổi ý định hoặc phương án mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ như đã báo cáo và công bố thông tin ra công chúng, trừ trường hợp bất khả kháng thì phải báo cáo UBCKNN ít nhất 3 ngày làm việc trước khi công ty thay đổi và phải được sự chấp thuận của UBCKNN. Tổ chức niêm yết phải công bố lý do trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời báo cáo SGDCK TP.HCM trong vòng 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi phương án mua lại hoặc bán cổ phiếu quỹ.

25.6. Công ty chứng khoán/tổ chức niêm yết giao dịch cổ phiếu lẻ, mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty và công ty chứng khoán sửa lỗi giao dịch đối với cổ phiếu của chính công ty... cũng được xem là giao dịch cổ phiếu quỹ và thực hiện qua TTLKCK. Công ty chứng khoán/tổ chức niêm yết báo cáo kết quả định kỳ hàng tháng cho SGDCK TP.HCM theo quy định tại quy chế công bố thông tin do SGDCK TP.HCM ban hành.

25.7. Tổ chức niêm yết mua lại cổ phiếu lẻ của nhà đầu tư để làm cổ phiếu quỹ thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Các ký hiệu giao dịch không hưởng quyền

Vào các ngày giao dịch không hưởng quyền, SGDCK TP.HCM sẽ công bố các ký hiệu giao dịch sau đây trên hệ thống giao dịch và trên Bản tin Online của SGDCK TP.HCM đối với các loại chứng khoán như sau:

Ký hiệu	Diễn giải
XD	Giao dịch không hưởng cổ tức của cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.
XR	Giao dịch không hưởng quyền mua, quyền nhận cổ phiếu thưởng, quyền được chia cổ tức bằng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ.
XA	Trường hợp XD và XR của cùng một cổ phiếu, chứng chỉ quỹ xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.
XI	Giao dịch không hưởng lãi trái phiếu.

Chương 3.

QUY ĐỊNH VỀ CẢNH BÁO, KIỂM SOÁT, TẠM NGỪNG, HỦY NIÊM YẾT ĐỐI VỚI CÁC CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Điều 27. Cảnh báo đối với chứng khoán niêm yết

Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán được thể hiện bằng ký hiệu cảnh báo "DS" trên Bản tin Online của SGDCK TP.HCM.

Điều 28. Kiểm soát giao dịch đối với chứng khoán niêm yết

28.1. Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán hoặc quy chế giám sát giao dịch được thể hiện bằng ký hiệu kiểm soát "C" trên Bản tin Online của SGDCK TP.HCM.

28.2. Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát chỉ được giao dịch trong thời gian khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.

Điều 29. Tạm ngừng giao dịch của chứng khoán niêm yết.

29.1. SGDCK TP.HCM có thể quyết định tạm ngừng giao dịch đối với một loại chứng khoán theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán hoặc quy chế giám sát giao dịch hiện hành.

29.2. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch không quá một (01) phiên giao dịch, ký hiệu tạm ngừng giao dịch trên hệ thống giao dịch và trên Bản tin Online của SGDCK TP.HCM là "H".

29.3. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch từ hai (02) phiên giao dịch trở lên, ký hiệu tạm ngừng giao dịch trên hệ thống giao dịch và trên Bản tin Online của SGDCK TP.HCM là "S".

29.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch sẽ được SGDCK TP.HCM cho phép giao dịch trở lại sau khi đáp ứng quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán hoặc quy chế giám sát chứng khoán hiện hành.

Điều 30. Hủy niêm yết chứng khoán

30.1. Trường hợp chứng khoán thuộc diện hủy niêm yết tự nguyện hoặc chứng khoán thuộc diện hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán SGDCK TP.HCM sẽ thực hiện hủy niêm yết đối với loại chứng khoán đó trên hệ thống giao dịch.

30.2. Chứng khoán thuộc diện hủy niêm yết được thể hiện bằng ký hiệu "D" trên hệ thống giao dịch.

Chương 4.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Điều khoản thi hành

31.1. SGDCK TP.HCM thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này của các Thành viên giao dịch.

31.2. SGDCK TP.HCM chịu trách nhiệm xây dựng các Quy chế làm việc và quy trình nghiệp vụ phù hợp với quy định của Quy chế này.

31.3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do SGDCK TP.HCM quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.